

Bản án số: 21/2017/HSST

Ngày: 12-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiên Hải.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Hà Ngọc Phương

2. Ông Lò Văn Quý

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12-12-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 23-11-2017 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1992 tại xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Con ông Quàng Văn T, sinh năm: 1964 và bà Quàng Thị P, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ: Lương Thị H, sinh năm: 1993 và 02 con, con lớn nhất: 7 tuổi, con nhỏ nhất 5 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 02 tiền án; Năm 2016 bị TAND huyện Mường La xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; Năm 2017 bị TAND huyện Thuận Châu xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản; Bị bắt tạm giam từ ngày 28-9-2017 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn X; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1981 tại xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Con ông Quàng Văn T, sinh năm: 1964 và bà Quàng Thị P, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ: Lương Thị L, sinh năm: 1988 và 02 con, con lớn nhất: 7tuổi, con nhỏ nhất 1 tuổi; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 28-9-2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28-9-2017 Quàng Văn Đ rủ anh trai ruột của mình là Quàng Văn X trú tại bản H, xã T, huyện T sang bản T, xã T, huyện T để tìm mua ma túy về sử dụng. X đồng ý rồi đi bộ cùng Đ sang bản T, xã T. Khi cả hai đến đầu bản T thì Đ bảo X đứng đợi ở ngoài đường còn Đ đi bộ một mình vào trong một ngõ nhỏ trong bản T thì gặp được và mua 01 gói Hêrôin được gói bằng túi nilon màu hồng với giá 200.000đ của một người phụ nữ dân tộc Thái (Đ không biết tên và đại chỉ cư trú). Sau khi mua được Hêrôin, Đ cầm gói Hêrôin trên tay phải rồi đi bộ ra chỗ X đứng đợi và nói với X là mua được Hêrôin và cho X xem gói Hêrôin vừa mua được. Đ cất gói Hêrôin vào túi quần soóc phía trước bên phải Đ đang mặc rồi cùng X đi bộ về nhà. Khi cả hai đến khu vực bản P, xã T thì bị tổ công tác Công an huyện Thuận Châu phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật nêu trên. (BL 40 - 66 HS).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa một ít bột cục màu trắng nghi là Hêrôin (theo Quàng Văn Đ và Quàng Văn X khai là Hêrôin). (BL 01 - 02 HS).

Hồi 19 giờ 40 phút ngày 28/9/2017 Công an huyện Thuận Châu phối hợp với phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành bóc mở niêm phong cân tịnh số bột màu trắng nghi là Hêrôin thu giữ của Quàng Văn Đ; Quàng Văn X có trọng lượng 0,36 gam, rút 0,05 gam ký hiệu Đ1 gửi giám định, còn lại 0,31 gam ký hiệu Đ2 nhập kho vật chứng. (BL 34 HS).

Tại kết luận giám định số 918/KLMT ngày 03-10-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu Đ1 là chất ma túy, loại chất Hêrôin, trọng lượng của mẫu vật gửi giám định là 0,05 gam. Hoàn trả lại 0,04 gam mẫu vật gửi giám định nhập kho vật chứng. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được của Quàng Văn Đ; Quàng Văn X là 0,36 gam loại chất Hêrôin. (BL 36 HS).

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Bản cáo trạng số 176/KSĐT ngày 23-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị can Quàng Văn Đ; Quàng Văn X về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Quàng Văn Đ; Quàng Văn X về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn Đ; Quàng Văn X phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn Đ mức án tù 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28-9-2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn X mức án tù 15 đến 20 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28-9-2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 76 BLTTHS tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,31 gam (Không phẩy ba một gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ2 và 0,04 gam (Không phẩy không bốn gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ1 được niêm phong trong phong bì thư.

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X, được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội, bị cáo xin được miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi tàng trữ trái phép 0,36 gam loại chất Hêrôin của các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi bị các cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã

hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu.

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.

Tuy Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy thấp hơn, có lợi hơn cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 249 BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và theo Công văn số 276/TANDTC – PC, ngày 13/9/2016 của Toà án nhân dân tối cao; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X để xét xử theo hướng có lợi cho các bị cáo, tạo cơ hội cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X.

[4] Xét nhân thân bị cáo Quảng Văn Đ là người chưa có tiền sự, nhưng có 02 tiền án, Năm 2016 bị TAND huyện Mường La xử phạt 09 tháng tù giam, về Tội trộm cắp tài sản; Năm 2017 bị TAND huyện Thuận Châu xử phạt 09 tháng tù giam, về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo Quảng Văn X là người chưa có tiền án, chưa có tiền sự; Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi

phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị các cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

[6] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Quảng Văn X không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo Quảng Văn Đ phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

[7] Về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm: Các bị cáo có ý cùng thực hiện một tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm. Các bị cáo là đồng phạm với nhau thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, tuy nhiên đối với bị cáo Quảng Văn Đ là người khởi xướng và là người thực hành tích cực trong vụ án, do đó bị cáo Quảng Văn Đ giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Quảng Văn X khi thấy bị cáo Đ khởi xướng việc đi mua bán ma túy về để sử dụng đã đồng ý tham gia cùng, do đó bị cáo X là đồng phạm với vai trò thứ yếu trong vụ án. Nên cần áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo .

[8] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản, sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Vật chứng vụ án:

Đối với 0,31 gam (Không phải ba một gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ2 và 0,04 gam (Không phải không bốn gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ1 là vật Nhà nước cấm lưu hành. Nên áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS, để tuyên tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với người phụ nữ dân tộc Thái mà bị cáo Đ khai là người bán 01 gói Hêrôin cho Đ với giá 200.000đ vào ngày 28-9-2017 ở trong bản T, xã T. Do Đ không biết tên, tuổi, nơi cư trú của người phụ nữ này. Do vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[11] Các bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Gia đình bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X có giấy chứng nhận hộ nghèo được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sơn La cấp ngày 05/10/2017. Do vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quảng

Văn Đ; Quảng Văn X theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Quảng Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28-9-2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Quảng Văn X 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 28-9-2017 (là ngày bị bắt tạm giam đối với bị cáo).

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 0,31gam (Không phải ba một gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ2 và 0,04 gam (Không phải không bốn gam) chất bột Hêrôin ký hiệu Đ1 được niêm phong trong phong bì thư.

4. Án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quảng Văn Đ, Quảng Văn X.

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo Quảng Văn Đ; Quảng Văn X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

Lường Tiến Hải